

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-PT
Ngày: 14- 5- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn, Ông Nguyễn Văn Nghĩa.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLPT- HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2019/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Xuân T, (tên gọi khác: Khi), sinh ngày 15 tháng 8 năm 1992, tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị Đ; có vợ: Nguyễn Thị Hồng X, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự, Quyết định số 0566/QĐ-XPVPHC ngày 18 tháng 6 năm 2019, bị Đội Kiểm lâm cơ động số 2 - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 10.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”, đã nộp phạt ngày 19 tháng 6 năm 2019; nhân T: Ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 10.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật”; ngày 07 tháng 01 năm 2018 bị Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 10.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật”, không bị tạm giữ, không bị tạm giam. Hiện đang tại ngoại theo Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Vụ án còn có nguyên đơn dân sự, Hạt Kiểm lâm thị xã Ba Đồn, có các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của bị cáo, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 10 phút ngày 03 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Xuân T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu THACO, BKS 73C-08.311 chở 15 hộp gỗ các loại (gỗ không có nguồn gốc, giấy tờ hợp pháp) từ xã Quảng Sơn đến phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình để tiêu thụ. Khi đi qua cầu Quảng Hải rẽ ra Quốc lộ 1A, thì bị Tổ tuần tra của Hạt Kiểm lâm thị xã Ba Đồn do ông Phạm Anh T, Phó Hạt trưởng làm Tổ trưởng phát hiện. Ông T phân công ông Phạm Hồng P, nhân viên lái xe, điều khiển xe ô tô BKS 73B- 1537 bám theo để theo dõi, xử lý. Nguyễn Xuân T điều khiển xe chạy đến bãi đất trống gần hồ nước phía sau Công ty TNHH Hoa Loan thuộc tổ dân phố Thủy Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình rồi dừng lại. Lúc này, ông T chỉ đạo ông P lái xe ô tô BKS 73B-1537 đến chặn ngay trước đầu xe ô tô của T. Tiếp đó, ông T xuống xe dùng đèn pin soi vào ca bin xe 73C-08.311 và yêu cầu T tắt máy, xuống xe để Tổ công tác kiểm tra lâm sản trên xe. Nhìn thấy lực lượng Kiểm lâm, T nhanh chóng nâng ben xe đổ hết toàn bộ gỗ trên xe xuống mặt đường, rồi điều khiển xe lao vào khoảng trống bên phải xe ô tô của lực lượng Kiểm lâm để bỏ chạy nhưng do khoảng trống hẹp nên đầu xe của T đã đâm, va vào xe của lực lượng Kiểm lâm, làm cho xe ô tô BKS 73B-1537 của lực lượng Kiểm lâm bị đẩy lùi, xê dịch và hư hỏng rồi điều khiển xe tẩu thoát.

Cơ quan điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã thu giữ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO BKS 73C-08.311 của Nguyễn Xuân T; 01 xe ô tô BKS 73B-1537 của Hạt Kiểm lâm thị xã Ba Đồn; 15 hộp gỗ Hoàng Linh; Giẻ dỏ và Nang đều thuộc gỗ nhóm V, có khối lượng thực tế là $2,322\text{m}^3$ (khối lượng gỗ bị thiệt hại là $3,715\text{m}^3$). Quá trình điều tra, xác định xe ô tô BKS 73B-1537 là xe công vụ của Hạt Kiểm lâm thị xã Ba Đồn; đối với xe ô tô nhãn hiệu THACO BKS 73C-08.311 là tài sản của bố, mẹ bị cáo Nguyễn Xuân T, giao cho Nguyễn Xuân T quản lý, sử dụng. Việc bị cáo T sử dụng xe chở lâm sản trái phép, bố, mẹ, gia đình bị cáo không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại hai xe ô tô trên cho các chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

Tại Bản kết luận giám định số 30/HĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thị xã Ba Đồn xác định xe ô tô biển kiểm soát 73B - 1537 bị thiệt hại do hư hỏng là 7.500.000 đồng. Tại Bản kết luận giám định số 900/KLGD - KL ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình xác định 15 hộp gỗ mà Nguyễn Xuân T vận chuyển ngày 03 tháng 8 năm 2019 là thực vật rừng không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm; đều là loài gỗ Hoàng Linh, Giẻ dỏ và Nang thuộc gỗ nhóm V, có khối lượng thực tế là $2,322\text{ m}^3$ (khối lượng gỗ thiệt hại là $3,715\text{ m}^3$).

Cáo trạng số 55/CT-VKSTXBĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về các tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm m khoản 1 Điều 232 và “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 232; khoản 1 Điều 330; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Chống người thi hành công vụ” là 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên tịch thu sung công 2,322 m³ gỗ bị bắt giữ; tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với bị cáo, nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong hạn luật định ngày 08 tháng 01 năm 2020, bị cáo Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được chuyển qua hình phạt tiền đối với tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với tội “Chống người thi hành công vụ”.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được chuyển qua hình phạt tiền đối với tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với tội “Chống người thi hành công vụ”.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T và giữ y Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; 08 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Chống người thi hành công vụ” của bị cáo Nguyễn Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị cáo, lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra

và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với tang vật vụ án được thu giữ, Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn đối với tang vật vụ án và thiệt hại về tài sản của Hạt Kiểm lâm thị xã Ba Đồn do hành vi phạm tội “Chống người thi hành công vụ” của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm các tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Chống người thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T xin được chuyển qua hình phạt tiền đối với tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với tội “Chống người thi hành công vụ”, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, bị xét xử theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) do phạm tội trong khi chưa hết thời hiệu bị xử phạt hành chính 10.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật”, tuy có hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nhưng trong lần phạm tội này bị cáo phạm cùng lúc 2 tội với lỗi cố ý, quá trình nhân T bị cáo trước đó đã có 2 lần bị xử phạt hành chính, (10.000.000 đồng + 15.000.000 đồng = 25.000.000 đồng) về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật”. Theo đó Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng đối với tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm m khoản 1 Điều 232, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là thỏa đáng, không nặng.

Đối với tội “Chống người thi hành công vụ”, bị cáo phạm tội với hành vi chống đối, không chấp hành yêu cầu của lực lượng thi hành công vụ, trong khi bỏ chạy đã đâm xe ô tô vào xe ô tô của lực lượng thi hành công vụ gây thiệt hại 7.500.000 đồng, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 08 tháng tù theo khoản 1 Điều 330, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là thỏa đáng, không nặng.

Bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin được chuyển loại hình phạt nhẹ hơn nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Bản án sơ thẩm xem xét nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Xuân T không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T và giữ y Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 330, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 08 (tám) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, tổng hợp hình, phạt buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; về tuyên buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (14 tháng 5 năm 2020).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Vụ GDKT1 TAND TC;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng HSNVCS-CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt